

Thứ ba, ngày 26 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vận động trong vùng 860-880 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/5/2020		●	
Tuần 25/5-29/5/2020		●	
Tháng 5/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nối tiếp đà tăng từ phiên trước, VN-Index đã chính thức kiểm tra thành công ngưỡng 860 điểm. Thị trường mở cửa với tâm lý giao dịch hưng phấn kéo dài trong cả phiên. Dòng tiền thị trường đã lan tỏa ra tất cả các nhóm ngành cổ phiếu với 16/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại duy trì hoạt động bán ròng trên cả hai sàn. Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực và thanh khoản tăng nhẹ cùng cổ xu hướng giao dịch tích cực trong phiên. Xu thế này sẽ giúp VN-Index tiến tới ngưỡng 880 điểm khá nhanh. BSC khuyến nghị nhà đầu tư giữ nguyên tỷ trọng danh mục và cân nhắc chốt lãi ngắn hạn một phần các cổ phiếu đã tăng giá mạnh trong giai đoạn vừa qua khi thị trường chạm ngưỡng 880 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/5/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Vật liệu Xây dựng_4.4%**

Phân tích kỹ thuật: BVH_Tín hiệu tích cực(Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+10.09** điểm, đóng cửa **869.13**. HNX-Index **+1.34** điểm, đóng cửa **110.49**.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.70)**; **+VCB (+1.48)**; **HPG (+0.87)**; **GAS (+0.66)**; **BVH (+0.53)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.38)**; **VIC (-0.19)**; **VSH (-0.04)**; **PAN (-0.03)**; **DPM (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,982** tỷ đồng, tăng **+7.4%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **9.43** điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **234** mã tăng, **88** mã tham chiếu và **59** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-78.99** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VSC (-20.68 tỷ)**, **DBC (-19.31 tỷ)** và **CRE (-17.19 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.2** tỷ đồng.

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

869.13

Giá trị: 4982.81 tỷ

10.09 (1.17%)

Khối ngoại (ròng): -39.69 tỷ

HNX-INDEX

110.49

Giá trị: 703.08 tỷ

1.34 (1.23%)

Khối ngoại (ròng): -2.2 tỷ

UPCOM-INDEX

55.33

Giá trị: 0.81 tỷ

0.4 (0.73%)

Khối ngoại (ròng): -14.01 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	34.1	2.50%
Giá vàng	1,725	-0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,321	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	25,422	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,650	0.08%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	9.00%
LS TPCP 5 năm	2.2%	1.72%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	42.8	VSC	20.7
PHR	25.7	DBC	19.3
VCB	12.5	CRE	17.2
FUEFVND	10.9	VJC	15.6
SBT	8.5	VRE	14.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_4.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	17/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Vật liệu Xây dựng	4.4%	5.2%	14.7%	48.4%	0.5%	0.5%	20.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	3.6%	9.8%	8.6%	8.6%	8.6%	8.6%	25.7%
Chiến tranh thương mại	2.9%	5.7%	11.8%	46.2%	-7.4%	-7.4%	18.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.8%	4.2%	11.7%	39.8%	-5.2%	-5.2%	22.9%
Xây dựng	2.8%	3.7%	11.5%	38.6%	-4.9%	-4.9%	19.3%
Corona Avengers	2.7%	4.5%	13.5%	51.4%	-0.2%	-0.2%	22.2%
Dầu khí	2.4%	3.2%	12.6%	44.3%	-22.0%	-22.0%	25.3%
Ngân Hàng	2.1%	2.8%	16.7%	34.3%	-3.5%	-3.5%	23.5%
Lãi suất giảm	2.0%	4.0%	13.2%	45.8%	-3.8%	-3.8%	19.3%
Nước & Năng lượng	1.9%	3.7%	8.5%	31.8%	-6.5%	-6.5%	16.7%
BĐS & Khu công nghiệp	1.6%	3.5%	9.6%	28.2%	-11.1%	-11.1%	18.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.5%	2.3%	12.5%	36.4%	-9.3%	-9.3%	19.4%
VN FinSelect	1.4%	1.7%	17.4%	35.3%	-5.4%	-5.4%	20.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.4%	1.7%	17.2%	36.2%	-5.8%	-5.8%	21.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.3%	2.3%	7.8%	32.3%	2.9%	2.9%	15.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.2%	1.9%	15.5%	43.1%	-8.6%	-8.6%	21.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	2.0%	12.3%	34.4%	-7.4%	-7.4%	17.7%
VN Diamond	1.1%	1.6%	12.7%	36.5%	-10.1%	-10.1%	19.4%
Hàng tiêu dùng	1.0%	3.1%	13.1%	51.4%	-2.4%	-2.4%	19.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.9%	2.0%	13.8%	31.4%	-7.6%	-7.6%	15.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	1.4%	13.1%	32.5%	-12.5%	-12.5%	16.7%
FTSE Việt Nam	0.6%	1.7%	14.6%	29.5%	-7.5%	-7.5%	16.9%
Stay-at-home	0.5%	1.8%	7.7%	39.2%	1.0%	1.0%	17.2%
Ngành Dược	0.1%	0.8%	2.1%	18.1%	-5.5%	-5.5%	18.1%
Mục tiêu	9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S21	2.9%	4.1%	13.2%	39.0%	-5.9%	-5.9%	19.9%
L32	2.1%	4.5%	16.2%	52.2%	-7.7%	-7.7%	20.9%
S32	2.1%	3.6%	14.5%	48.9%	-12.6%	-12.6%	22.2%
S11	1.7%	2.3%	11.4%	28.5%	-1.8%	-1.8%	18.9%
M22	1.5%	2.1%	15.4%	39.2%	-2.2%	-2.2%	18.9%
M12	1.5%	2.0%	13.8%	32.4%	-5.5%	-5.5%	19.9%
M31	1.4%	3.4%	13.9%	36.5%	-6.8%	-6.8%	21.0%
L22	1.4%	3.4%	11.5%	41.8%	-7.1%	-7.1%	19.6%
L11	1.4%	2.5%	9.6%	31.1%	-9.1%	-9.1%	17.4%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.4%	4.7%	12.4%	41.8%	1.1%	1.1%	18.9%
MID1	1.8%	2.3%	10.7%	38.2%	-0.5%	-0.5%	17.5%
LOW1	1.7%	3.2%	13.1%	29.6%	-4.4%	-4.4%	17.1%
INDEX							
VNINDEX	1.2%	1.9%	13.0%	31.2%	-9.6%	-9.6%	16.8%
VN30INDEX	1.0%	1.5%	13.9%	33.4%	-7.3%	-7.3%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	17	7	16	8	11	13
Mục tiêu	9	9	0	9	0	6	3
Rủi ro	3	3	0	3	0	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

BVH_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: BVH đã có dấu hiệu tăng giá mạnh sau khi tích lũy ngắn hạn trong vùng giá 45-50. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu cũng đang nằm trên dải mây ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. BVH nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng giá 65 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/5

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	34.07	2.47%	7.60%	58.90%	-39.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	35.91	1.07%	3.60%	44.70%	-39.17%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	106.00	2.10%	3.30%	55.40%	-41.62%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1733.25	0.08%	-0.70%	0.20%	29.26%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.38	0.55%	0.20%	14.00%	15.73%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	841.00	0.93%	-0.50%	-0.70%	-6.43%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	508.75	0.00%	2.40%	-6.60%	-3.51%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.10	0.41%	2.60%	51.10%	2.95%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	141.56	-0.29%	-0.70%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.93	-0.46%	5.30%	9.20%	-17.63%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	103.60	-1.10%	-3.00%	-7.50%	-3.13%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5288.50	-1.89%	2.10%	5.10%	-11.19%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	491.97	0.03%	-1.80%	4.90%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1506.50	-0.95%	3.00%	1.10%	-16.31%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	99.05	-1.82%	0.70%	15.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.55	0.00%	3.60%	7.10%	-28.33%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng nhẹ lên 35,81 USD/thùng, trong khi dầu WTI ổn định tại 33,74 USD/thùng. Cả hai loại dầu đã giảm khoảng 45% từ đầu năm tới nay.
- Giá dầu đang được hỗ trợ từ việc cắt giảm nguồn cung toàn cầu 9,7 triệu thùng/ngày của tổ chức OPEC+, hiện đã có hiệu lực gần một tháng. Đồng thời cũng được hỗ trợ bởi số lượng giàn khoan của Mỹ, một chỉ số sớm của sản lượng tương lai đã giảm 21 giàn xuống 318 giàn, thấp kỷ lục trong tuần kết thúc vào ngày 22/5, theo số liệu của công ty dịch vụ năng lượng Baker Hughes.
- Mối quan hệ song phương giữa Washington và Bắc Kinh đã tồi tệ kể từ khi bùng phát virus corona, hai quốc gia đã bất đồng về Hong Kong, quyền con người, thương mại và việc hỗ trợ của Mỹ cho Đài Loan.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0,3% xuống 1.728,55 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 của Mỹ giảm 0,5% xuống 1.727,4 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên giao dịch trầm lắng do một số nhà đầu tư chốt lời, mặc dù căng thẳng kéo dài giữa Mỹ và Trung Quốc và các biện pháp kích thích kinh tế của chính phủ đã hạn chế đà giảm.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 1,5 CNY xuống 721,5 CNY/tấn. Tổng khối lượng giao dịch của 12 hợp đồng quặng sắt kỳ hạn được niêm yết là 1.447.320 lot, tổng doanh thu là 105,79 tỷ CNY.
- Thép thanh giao tháng 10 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 1,3% xuống 3.500 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng đóng cửa giảm 1,3% xuống 3.405 CNY/tấn.
- Sản lượng thép thô của Nhật Bản giảm 23,5% trong tháng 4/2020 so với cùng tháng năm trước xuống mức thấp nhất trong 11 năm tại 6,62 triệu tấn, do nhu cầu yếu trong bối cảnh dịch bệnh.
- Sản lượng thép thô toàn cầu giảm 13% xuống 137,1 triệu tấn trong tháng 4/2020 so với tháng 4/2019, theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới.

Giá cao su

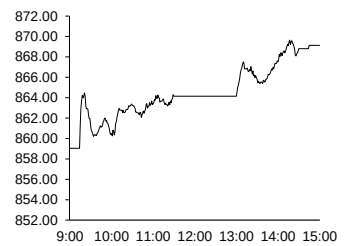
- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 10 đóng cửa tăng 1,4 JPY lên 152,9 JPY (1,42 USD)/kg. Nhưng hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 20 C
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng trong phiên qua do chính phủ Nhật Bản có vẻ sẵn sàng chấm dứt tình trạng khẩn cấp tại Tokyo và các khu vực lân cận, thúc đẩy hy vọng nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới này có thể sớm bắt đầu phục hồi.NY xuống 10.240 CNY (1.435 USD)/tấn.

Giá nông sản

- Lúa mì xay giao tháng 9 tăng 1 euro hay 0,5% lên 189,25 euro/tấn, nhưng thấp hơn mức cao nhất 4 tuần tại 190,25 euro đạt được trong ngày 21/5. Khối lượng giao dịch yếu do thị trường Mỹ đóng cửa.
- Giá xuất khẩu tăng tại Nga và Ukraina trong tuần trước do lo ngại về mùa vụ. Các thương nhân dự báo mưa trong tuần này tại Biển Đen cùng với triển vọng khô hạn tại Pháp, nhà sản xuất lúa mì hàng đầu của Liên minh Châu Âu.

Hình 1

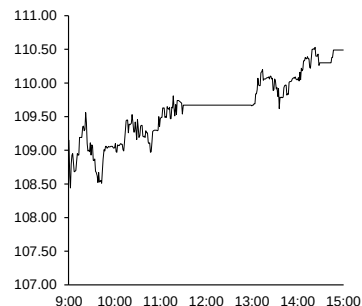
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

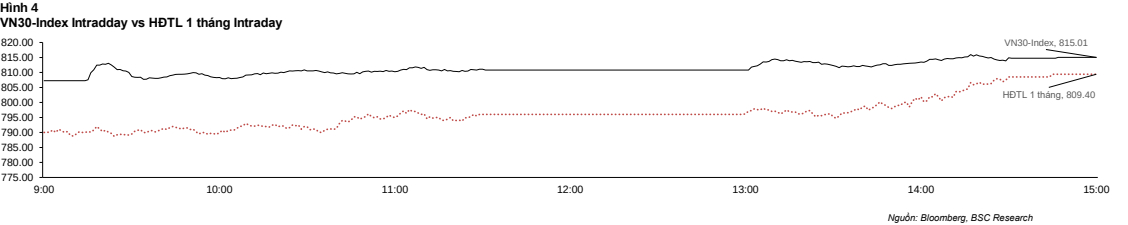
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-5.28%
Y tế	-0.38%
Truyền thông	-0.02%
Bất động sản	0.09%
Thực phẩm và đồ uống	0.42%
Hóa chất	0.45%
Bán lẻ	0.54%
Công nghệ Thông tin	0.63%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.67%
Du lịch và Giải trí	0.73%
Dầu khí	1.43%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.63%
Xây dựng và Vật liệu	2.01%
Ngân hàng	2.08%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.09%
Ô tô và phụ tùng	2.14%
Dịch vụ tài chính	2.43%
Tài nguyên Cơ bản	3.06%
Bảo hiểm	3.64%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2006	809.40	3.50%	-5.61	-7.8%	181,518	6/18/2020	25
VN30F2007	800.00	3.63%	-15.01	14.4%	770	7/16/2020	53
VN30F2009	779.00	2.87%	-36.01	-13.7%	354	9/17/2020	116
VN30F2012	780.00	2.63%	-35.01	-6.2%	61	12/17/2020	207

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 7.76 điểm lên mức 815.01 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VCB, MBB, BID và MSN tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ vẫn có được sự tích cực trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay. Xét về khối lượng giao dịch, đa số hợp đồng đều giảm, trừ VN30F2007. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value	Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2004	SSI	6/15/2020	20	1:1	329,300	178.8%	5.0 triệu	34.65%	2,800	5,050	28.17%	4,967.60	1.02	CHPG2004	26,300	23,500	28,400
CREE2002	VND	7/1/2020	36	1:1	267,360	161.7%	1.5 triệu	29.37%	1,800	2,630	23.47%	1,547.20	1.70	CREE2002	33,800	32,000	32,500
CHPG2001	HSC	6/30/2020	35	2:1	91,810	-7.5%	5.0 triệu	34.65%	1,800	2,440	22.61%	2,286.80	1.07	CHPG2001	27,600	24,000	28,400
CHPG2002	KIS	12/16/2020	204	2:1	77,630	-52.2%	3.0 triệu	34.65%	1,700	2,140	17.58%	1,296.60	1.65	CHPG2002	33,399	29,999	28,400
CHPG2005	VND	10/1/2020	128	1:1	44,170	33.6%	2.0 triệu	34.65%	2,100	9,610	10.97%	9,750.80	0.99	CHPG2005	21,100	19,000	28,400
CVPB2005	MBS	8/18/2020	84	2:1	281,570	37.5%	2.0 triệu	42.13%	1,510	2,860	5.54%	2,575.50	1.11	CVPB2005	22,520	19,500	24,150
CFPT2005	VND	7/1/2020	36	1:1	69,200	38.6%	1.0 triệu	32.43%	2,900	8,890	4.47%	8,518.50	1.04	CFPT2005	51,900	49,000	48,800
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	84	5:1	233,450	32.7%	2.5 triệu	35.03%	1,000	1,120	3.70%	683.00	1.64	CPNJ2004	72,000	67,000	64,200
CFPT2003	SSI	11/9/2020	167	1:1	29,100	-19.8%	2.0 triệu	32.43%	7,300	12,150	3.05%	9,851.30	1.23	CFPT2003	57,300	50,000	48,800
CSBT2001	KIS	12/16/2020	204	1:1	202,440	129.8%	2.0 triệu	34.58%	2,900	770	2.67%	244.20	3.15	CSBT2001	24,011	21,111	15,000
CMSN2004	MBS	9/4/2020	101	5:1	132,580	25.8%	1.5 triệu	33.48%	1,980	2,330	2.64%	1,888.10	1.23	CMSN2004	64,900	55,000	62,500
CFPT2004	SSI	8/10/2020	76	1:1	40,880	52.8%	2.0 triệu	32.43%	5,100	9,590	2.13%	8,081.30	1.19	CFPT2004	55,100	50,000	48,800
CTCB2004	MBS	8/18/2020	84	2:1	238,160	32.1%	2.0 triệu	35.65%	1,050	2,390	0.84%	2,234.20	1.07	CTCB2004	19,100	17,000	21,150
CMWG2005	VND	10/1/2020	128	2:1	88,230	0.0%	1.0 triệu	38.66%	2,500	7,090	0.00%	3,118.50	2.27	CMWG2005	97,000	92,000	86,500
CSTB2001	KIS	6/19/2020	24	1:1	391,990	54.0%	5.0 triệu	38.12%	1,500	390	0.00%	193.10	2.02	CSTB2001	12,499	10,999	10,400
CNVL2001	KIS	12/16/2020	204	4:1	115,910	-48.1%	2.0 triệu	16.64%	2,300	1,110	0.00%	56.10	19.79	CNVL2001	75,088	65,888	53,400
CVNM2003	MBS	9/4/2020	101	10:1	221,720	-56.5%	3.0 triệu	29.90%	1,450	2,770	-0.36%	2,531.10	1.09	CVNM2003	108,500	94,000	117,600
CVHM2001	KIS	12/16/2020	204	5:1	101,810	-29.9%	2.0 triệu	34.44%	3,100	1,530	-1.29%	586.30	2.61	CVHM2001	110,067	94,567	76,400
CDPM2002	KIS	12/16/2020	204	1:1	54,240	-59.6%	2.0 triệu	38.74%	1,700	2,950	-4.22%	1,847.20	1.60	CDPM2002	16,952	15,252	15,050
CROS2002	KIS	12/16/2020	204	1:1	269,690	59.2%	2.0 triệu	63.09%	1,000	750	-12.79%	60.70	12.36	CROS2002	8,227	7,227	3,410
Tổng:					3,281,240		48.50 triệu	35.29%**									
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn		
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%										*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes		
					**Trung bình độ lệch chuẩn												

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/5/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên hôm trước.
- Về giá, CREE2001 và CREE1905 tăng mạnh nhất lần lượt là 43.8% và 30%, ở chiều hướng ngược lại, CROS2001 và CMWG2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 33.3% và 25%. Thanh khoản thị trường giảm 8.11%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.96% thị trường.
- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, trừ CHPG2005, CVPB2001 và CVPB2003. CVNM2003 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	28.40	4.03	2.39
VCB	82.50	1.73	0.75
MBB	17.60	1.73	0.57
BID	42.00	5.93	0.50
MSN	62.50	1.13	0.43

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	76.4	-0.52	-0.20
VIC	96.9	-0.21	-0.13
VJC	113.0	-0.09	-0.03
ROS	3.4	-0.87	-0.01
EIB	16.9	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	86.5	0.5%	1.3	1,703	4.4	8,808	9.8	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	64.2	0.3%	1.4	629	2.9	5,248	12.2	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	52.0	5.1%	1.3	1,678	4.8	1,168	44.5	2.0	28.4%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.7%	0.5	298	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.9	-0.2%	0.8	14,250	1.5	2,095	46.3	4.1	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.5	1.1%	1.1	2,618	4.6	1,226	21.6	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.4	0.2%	0.8	2,251	2.6	3,584	14.9	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.5	4.2%	0.8	438	2.1	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.6	2.2%	1.4	261	2.1	2,289	5.0	0.9	39.7%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.4	5.5%	1.3	401	5.3	1,415	10.8	0.9	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.0	2.6%	1.0	171	1.0	4,240	5.7	1.0	30.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.9	4.5%	1.8	263	3.5	1,480	13.4	1.4	53.8%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.8	0.7%	0.8	1,663	3.4	4,804	10.2	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	50.4	1.4%	0.4	545	0.1	4,812	10.5	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.9	1.6%	1.5	6,233	2.0	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.9	1.2%	1.5	2,428	1.3	869	54.0	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.0	3.2%	1.5	270	3.1	1,777	7.3	0.5	12.6%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	0.0%	0.8	863	1.1	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.0	-0.1%	0.5	529	0.0	5,046	18.4	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.1	-1.6%	0.5	256	2.0	1,006	15.0	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	-0.9%	0.5	203	0.5	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.5	1.7%	1.1	13,304	2.6	4,848	17.0	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.0	5.9%	1.4	7,345	5.3	2,140	19.6	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.2	0.4%	1.2	3,748	6.3	2,510	9.2	1.1	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.2	0.6%	1.2	2,560	5.3	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.6	1.7%	1.1	1,845	7.0	3,398	5.2	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.3	3.1%	1.0	1,684	5.3	3,780	6.2	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	48.6	3.4%	0.9	173	0.6	5,303	9.2	1.5	79.9%	17.0%
NTP	Nhựa	34.8	1.8%	0.4	149	0.0	4,208	8.3	1.3	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.7%	0.5	649	0.0	356	42.4	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	28.4	4.0%	1.2	3,409	13.9	2,764	10.3	1.6	36.7%	17.4%
HSG	Thép	9.9	1.0%	1.6	191	4.4	1,491	6.6	0.7	16.4%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	117.6	0.0%	0.7	8,904	5.0	5,453	21.6	6.8	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	175.3	0.2%	0.8	4,888	0.7	6,719	26.1	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.5	1.1%	1.0	3,176	2.9	3,961	15.8	1.7	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	1.4%	0.8	383	2.1	141	106.7	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	59.9	0.7%	0.8	5,670	0.7	3,450	17.4	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	113.0	-0.1%	1.1	2,574	2.3	7,110	15.9	4.0	18.6%	26.3%
HVN	Vận tải	27.4	2.1%	1.7	1,687	1.5	1,654	16.5	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	20.2	3.9%	0.9	260	0.5	1,583	12.7	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.2	5.2%	1.1	136	1.3	2,117	5.3	0.7	25.1%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	69.1	4.4%	1.0	466	2.2	9,201	7.5	3.2	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	3.6%	0.8	369	0.3	1,453	13.0	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	6.9%	1.0	244	0.5	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	69.3	1.9%	1.1	230	1.1	8,032	8.6	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.4%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.9	0.5%	0.4	207	0.9	1,775	11.2	0.9	45.0%	8.5%
POW	Điện	10.6	3.9%	0.6	1,079	4.3	1,028	10.3	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	21.4	1.9%	0.5	268	0.5	2,543	8.4	1.4	17.7%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.00	5.93	2.70	2.95MLN
VCB	82.50	1.73	1.48	740930.00
HPG	28.40	4.03	0.87	11.50MLN
GAS	74.90	1.63	0.66	615970.00
BVH	52.00	5.05	0.53	2.16MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.38	3.00MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.19	360000.00	607060.00
VSH	0.00	-0.04	26760.00	373600.00
PAN	0.00	-0.03	18970.00	192700.00
DPM	0.00	-0.03	3.08MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
POM	5.35	7.00	0.03	50580.00
SVT	9.84	6.96	0.00	4710.00
TTB	4.46	6.95	0.00	536230.00
PIT	4.00	6.95	0.00	6180.00
TV2	77.00	6.94	0.03	187730.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHM	8.37	-7.00	-0.01	374050.00
TCR	2.93	-6.98	0.00	200.00
SMA	15.45	-6.93	-0.01	12820.00
LMH	0.81	-6.90	0.00	101110.00
MDG	11.60	-6.83	0.00	20.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.30	3.10	1.13	5.26MLN
PVS	13.00	3.17	0.10	5.61MLN
VCS	69.10	4.38	0.10	740700.00
SHS	9.30	3.33	0.05	3.24MLN
DGC	33.50	1.52	0.04	176600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.00	-0.71	-0.13	9.92MLN
TVC	32.10	-4.46	-0.05	461500.00
SHN	7.00	-5.41	-0.05	400.00
MBG	7.00	-6.67	-0.02	3.19MLN
S99	8.00	-5.88	-0.02	4700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

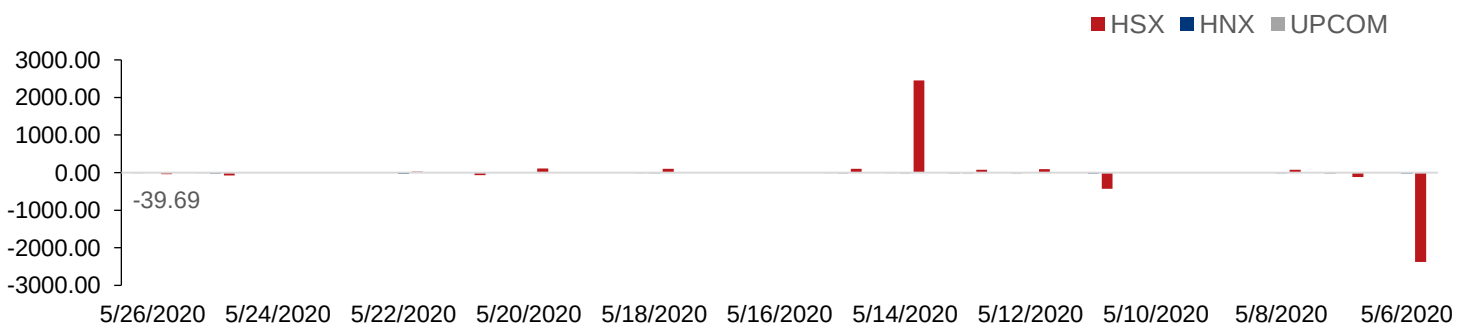
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKV	14.30	10.0	0.00	2900.00
MCO	2.20	10.0	0.00	21000.00
BCC	8.00	9.6	0.02	736900.00
DIH	14.90	9.6	0.01	11600.00
VTV	6.90	9.5	0.01	8600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.80	-11.11	0.00	690600.00
BTW	44.10	-10.00	-0.01	100.00
FID	0.90	-10.00	0.00	6600.00
TMC	10.80	-10.00	-0.01	900.00
VSA	15.30	-10.00	-0.01	200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	64.2	5,248	12.2	2.9	Click
2	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	126.9	5,718	22.2	7.8	Click
3	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.6	2,289	5.0	0.9	Click
4	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.2	1,496	11.5	1.0	Click
5	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.2	7,637	3.7	1.3	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.8	5,311	4.1	1.0	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	27.4	4,465	6.1	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.5	4,848	17.0	3.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.3	3,780	6.2	1.3	Click
10	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.3	6,553	5.4	1.3	Click
11	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	51.3	3,887	13.2	2.6	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.8	4,804	10.2	2.3	Click
13	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	20.2	1,583	12.7	1.0	Click
14	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.3	1,880	7.6	0.7	Click
15	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	175.3	6,719	26.1	6.5	Click
16	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	22.1	1,782	12.4	1.5	Click
17	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	117.6	5,453	21.6	6.8	Click
18	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	13.0	1,781	7.3	0.8	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	86.5	8,808	9.8	2.9	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	35.3	6,553	5.4	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BDS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận góp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn